TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/DS-ST.
Ngày: 23-11-2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Lê Kim Hùng.
+ Ông Lê Văn Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B.T - Sinh năm: 1971, địa chỉ: ấp T, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 9 năm 2018, ông P có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị C - Sinh năm: 1970, địa chỉ: ấp E, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1964, địa chỉ: ấp E, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn là bà Trần Thị B.T trình bày:

Bà Võ Thị V có tham gia chơi hụi do bà B.T làm chủ hụi đối với các dây hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 09 tháng 01 âm lịch năm 2016, gồm 25 (hai mươi lăm) phần, mãn hụi vào ngày 01 tháng 12 âm lịch năm 2017. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 5 âm lịch năm 2017, còn nợ lại 08 (tám) tháng tiền hụi chưa góp (vì có nhuần hai tháng 6 âm lịch) với số tiền là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng);

Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 01 tháng 3 âm lịch năm 2016, gồm 21 (hai mươi mốt) phần, mãn hụi vào ngày 01 tháng 11 âm lịch năm 2017. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 7 âm lịch năm 2017, còn nợ lại 04 (bốn) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 06 tháng 4 âm lịch năm 2016, gồm 25 (hai mươi lăm) phần, hụi mãn vào ngày 06 tháng 3 âm lịch năm 2018. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 6 âm lịch (tháng 6 sau, do có nhuần hai tháng 6) năm 2017, còn nợ lại 09 (chín) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng);

Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 15 tháng 8 âm lịch năm 2016, gồm 25 (hai mươi lăm) phần, hụi mãn vào ngày 15 tháng 7 âm lịch năm 2018. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 6 âm lịch năm 2017 (tháng 6 sau), còn nợ lại 13 (mười ba) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng);

Dây hụi thứ năm: Hụi 5.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 15 tháng 9 âm lịch năm 2016, gồm 20 (hai mươi) phần, hụi mãn vào ngày 15 tháng 3 âm lịch năm 2018. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 7 âm lịch năm 2017, còn nợ lại 08 (tám) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

Dây hụi thứ sáu: Hụi 1.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 17 tháng 02 âm lịch năm 2016, gồm 31 (ba mươi mốt) phần, hụi mãn vào ngày 17 tháng 7 âm lịch năm 2018. Dây hụi này bà C tham gia hai phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 7 âm lịch năm 2017, còn nợ lại 13 (mười ba) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng);

Dây hụi thứ bảy: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 19 tháng 5 âm lịch năm 2016, gồm 21 (hai mươi mốt) phần, hụi mãn vào ngày 19 tháng 12 âm lịch năm 2017. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 6 âm lịch năm 2017 (tháng 6 sau, do có nhuần hai tháng 6 âm lịch), còn nợ

lại 06 (sáu) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng);

Dây hụi thứ tám: Hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 2016, gồm 26 (hai mươi sáu) phần, hụi mãn vào ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 2018. Dây hụi này bà C tham gia một phần, đã hốt hụi và có góp hụi chết đến tháng 6 âm lịch năm 2017 (tháng 6 sau, do có nhuần hai tháng 6 âm lịch), còn nợ lại 12 (mười hai) tháng tiền hụi chưa góp với số tiền là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng);

Như vậy, tổng cộng cả tám dây hụi trên thì bà C còn thiếu bà B.T số tiền là l82.000.000đ (một trăm tám mươi hai triệu đồng). Bà C có trả cho bà B.T nhiều lần được số tiền là 39.500.000đ (ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng), còn nợ lại số tiền là 142.500.000đ (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bà C có viết giấy thừa nhận số nợ nêu trên vào ngày 19 tháng 02 âm lịch năm 2018. Nay bà B.T khởi kiện yêu cầu bà C và chồng là ông D phải liên đới trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 142.500.000đ (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là bà Võ Thị C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của bà có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 11 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông thừa nhận bà C có chơi hụi với bà B.T và còn thiếu số tiền là 142.500.000đ (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), có làm giấy nhận nợ ngày 19 tháng 02 âm lịch năm 2018. Sau đó bà C có trả được 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), hiện nay còn nợ lại 141.000.000đ (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng). Ông đồng ý cùng với bà C trả số nợ này nhưng xin trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), yêu cầu bà C, ông D phải trả số tiền hụi còn thiếu là 141.000.000đ (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có địa chỉ tại ấp E, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến

Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bà C, ông D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà C, ông D là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng). Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này phù hợp với phạm vi ủy quyền và hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện đã được rút tại phiên tòa.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chơi hụi, số tiền hụi mà bị đơn còn thiếu là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định được: Bà Võ Thị C có chơi hụi với bà B.T và hiện nay còn thiếu bà B.T số tiền hụi là 141.000đ (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) và yêu cầu khởi kiện của bà B.T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4.2] Ông D đồng ý cùng với bà C trả cho bà B.T số nợ còn thiếu là 141.000.000đ (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) và yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu trả một lần. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy, các dây hụi mà bà C tham gia chơi hụi với B.T hiện nay đều đã mãn hụi, như vậy số tiền 141.000.000đ (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng) nêu trên đã đến hạn trả, trong khi đó bà C, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa ông, bà với bà B.T có thỏa thuận là ông, bà sẽ được trả số tiền hụi còn thiếu theo phương thức là trả dần hàng tháng nên không chấp nhận yêu cầu này của ông D.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn là bà Võ Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 217, 218, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.T đối với số nợ gốc là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.T: Buộc bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị B.T số tiền là 141.000.000đ (một trăm bốn mươi mốt triệu đồng).

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị B.T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn D chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn D phải liên đới chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Hoàn trả lại cho bà Trần Thị B.T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 3.562.500đ (ba triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0020758 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

4.2) Buộc bà Võ Thị C và ông Nguyễn Văn D phải liên đới nộp 7.050.000đ (bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Trần Thị B.T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên